

Tên:

Lớp: S8...

Từ vựng & Ngữ pháp:

Nghe:

Ngày giao bài: Thứ, ngày/.....

Mini Test:

Ngày nộp bài: Thứ, ngày/.....

GLOBAL ENGLISH 8

UNIT 2: DESIGN AND ARCHITECTURE – VOCABULARY 2 & SPEAKING

A. VOCABULARY

- Partitives

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	a packet of (phr.)	một gói (dùng cho thực phẩm đóng gói như bánh, mì, kẹo...)	4	a piece of (phr.)	một mảnh/miếng (dùng cho bánh, tin tức, giấy...)
2	a bunch of (phr.)	một nải/chùm/bó (dùng cho hoa, chuối, nho...)	5	a bit of (phr.)	một chút (dùng cho thông tin, thời gian, lời khuyên...)
3	a bar of (phr.)	một thanh (dùng cho socola, xà phòng...)	6	a drop of (phr.)	một giọt (dùng cho chất lỏng: nước, dầu, thuốc...)

- Homes & Buildings

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	curved roof (n)	mái cong	5	energy efficiency (n)	hiệu suất năng lượng/tiết kiệm năng lượng
2	skylight window (n)	cửa sổ giếng trời (trên mái nhà để lấy ánh sáng tự nhiên)	6	air flow (n)	luồng không khí
3	resistant (to) (adj)	chống lại, kháng (thường dùng với nước, lửa, gi...)	7	light ray (n)	tia sáng
4	heat conductor (n)	chất dẫn nhiệt			

- Others

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	cement (n)	xi măng	4	refugee (n)	người tị nạn
2	sun-dried (adj)	phơi khô dưới nắng	5	accumulate (v)	tích lũy, gom góp
3	endure (v)	chịu đựng, kéo dài			

B. EXTRA VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	renovation (n)	sự cải tạo, tu sửa	5	deliberate (adj)	cố ý, có chủ ý
2	cabinet (n)	tủ trưng bày (có cửa kính)	6	remarkably (adv)	đáng chú ý, khác thường
3	unnoticed (adj)	không được chú ý, bị bỏ qua	7	antiquity (n)	đồ cổ, hiện vật cổ
4	pathway (n)	lối đi, con đường	8	outcome (n)	kết quả, hậu quả

*Note: n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ; v = verb: động từ; phr. = phrase: cụm từ; adv = adverb: trạng từ.

*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

VOCABULARY & GRAMMAR

I. Choose the correct answers.

0. She poured a _____ of water into the test tube and waited for a reaction.
 A. piece B. bar C. drop D. packet

1. The house design includes a large _____ window, which brings in natural sunlight all day.
 A. conductor B. skylight C. flow D. refugee

2. He bought a _____ of flowers for his mother on her birthday.
 A. bar B. bunch C. drop D. piece

3. The walls of this building are made of _____ bricks that help keep the house cool.
 A. accumulate B. endure C. sun-dried D. air flow

4. Good _____ helps reduce electricity bills and protect the environment.
 A. energy efficiency B. piece of C. air flow D. refugee

5. The scientist explained that copper is a good _____, which is why it's used in cooking pans.
 A. curved roof B. resistant C. refugee D. heat conductor

II. Match the words/phrases with the correct definitions.

0. a bit of	0- <u>c</u>	a. a narrow beam of light going in one direction
1. light ray	1- <u> </u>	b. a person who leaves their country to escape war or danger
2. cement	2- <u> </u>	c. a small amount of something
3. refugee	3- <u> </u>	d. to suffer something difficult or painful for a long time
4. accumulate	4- <u> </u>	e. to collect or build up something over time
5. endure	5- <u> </u>	f. a grey powder used to make concrete for building

III. Fill in the blanks with the correct words/phrases given in the box. Use each word only ONCE. Some words may not be used.

packet	resistant to	efficiency	curved	endure	air flow	sun-dried	piece
---------------	---------------------	-------------------	---------------	---------------	-----------------	------------------	--------------

0. She bought a(n) **packet** of cookies to share with her classmates.

1. The temple had a beautiful, _____ roof that looked very traditional.

2. Opening windows improves the _____ in the classroom.

3. I found a(n) _____ of paper with her phone number on it.

4. This new paint is _____ water and won't peel easily.

5. He had to _____ long hours of training to become a champion.

IV. Complete the sentences. Choose from the box and put the verbs in the correct forms.

<i>I (be) independent enough to live alone</i>	they (not be) late so often
she (speak) more slowly during her presentation	I (watch) more documentaries
we (not waste) so much time on our phones	I (have) more confidence in myself

0. *I'd move to another city if **I were independent enough to live alone**.*

1. If _____, I would speak up more in class.

2. We would be more productive if _____.

3. _____ if they lived closer to the city centre.

4. She would be easier to understand if _____.

5. If my parents allowed me to stay up late, _____.

- Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
- Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài.

Con làm bài nghe theo link sau:

<https://soundcloud.com/ms-chi-english/listening-b2-fce-346634605>

Part 2

You will hear a museum director called Carl Halford talking about the museum where he works. For questions **9–18**, complete the sentences with a word or short phrase.

Museum director

Carl says that the museum was last renovated in the year

(9)

Carl says that improvements in the (10)
in museums often goes unnoticed.

There are now a total of (11) exhibits which
visitors can see in the museum.

The exhibits are now arranged according to their

(12)

One of Carl's favourite pieces is a 4,500-year-old cup with a design of a

(13) on the bottom.

Carl describes a strange farm model in the museum that features

(14) and a farmer.

Some visitors to the museum are frightened by the

(15) of one large statue.

Carl also describes a vase which shows a man fighting with a

(16)

Carl finds it surprising that one of the coins in the museum has such

(17) decoration.

One simple exhibit that Carl likes is a plain stone with a picture of a

(18) on it.